TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2023
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thiều Huệ Tiên;
2. Ông Nguyễn Đức Hiền;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:* Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị BÉ T, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ *, đường S, khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Trần Ngọc Q, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Phạm Thị Bé T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Bé T trình bày:*

Anh chị tự nguyện kết hôn do quen biết, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Nhựt vào năm 2019, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng trong quá trình chung sống khoảng một năm thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Q thường xuyên nhậu nhẹt, vô cớ đánh đập do hay ghen tuông, nên thường dùng dao kéo, phản chém cỏ để cứa vào cổ chị, dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự chị, xúc phạm cha mẹ chị, quá sức chịu đựng nên đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, xét thấy hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh Q.

Quá trình chung sống anh và chị không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

Ngoài ra, chị không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

** Bị đơn anh Trần Ngọc Q* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị BÉ T.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, chị Phạm Thị BÉ T có đơn xin vắng mặt, anh Trần Ngọc Q được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh Trần Ngọc Q vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Tranh chấp xin ly hôn"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/10/2019, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh Q đã ly thân từ năm 2020 đến nay vẫn chưa hàn gắn được. Tòa án triệu tập anh Q nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa để hòa giải. Anh Q cũng không gửi cho Tòa án bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Thêm. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa chị Thêm và anh Q mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thêm.

[4] Về con chung: Anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Bé T.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé T được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0027039 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Q không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Phan Thị Kiều Oanh